

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 4 năm 2025
“V/v tranh chấp về hôn nhân
và gia đình, ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CF, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương.

Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Mộc Khải, bà Trần Thị Ánh Hằng;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố CF, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố CF, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thoa, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố CF xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 409/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 về “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/03/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị Ngọc H, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 6, khóm M, phường V, thành phố CF, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lý Thanh S, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 6, khóm M, phường V, thành phố CF, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà H trình bày:

Bà H và ông S đi đến hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn vào ngày 08 tháng 01 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã CF (nay là phường V, thành phố CF), tỉnh An Giang. Quá trình sống chung vào thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà cảm thấy tình cảm không còn, hôn nhân không thể hàn gắn nên yêu cầu ly hôn với ông S. Bà và ông S có 02 con chung tên Lý Thị Ngọc Vg, sinh ngày 29/11/2002 và Lý Thị Kim Vg, sinh ngày 22/01/2006, đều đã trưởng thành. Bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung thì không có.

Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông S, không yêu cầu xem xét về con

chung, tài sản chung, nợ chung.

Kết quả xác minh tại Ban khóm M, phường V, thành phố CF cho biết, ông Lý Thanh S, sinh năm 1980 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ khóm M, phường V, thành phố CF, tỉnh An Giang. Hiện nay đi đâu, làm gì không rõ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông S, nhưng ông S vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt;
- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà H được ly hôn với ông S. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không đề cập xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố CF. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố CF theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn được tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử tiến hành vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân, bà H và ông S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, thị xã CF (nay là phường V, thành phố CF) nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống bà H, ông S xảy ra mâu thuẫn, không còn sống chung với nhau, trong suốt quá trình giải quyết vụ án vợ

chồng không chủ động hàn gắn tình cảm. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân của bà H, ông S là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H ly hôn với ông S là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 như đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về con chung: Bà H và ông S có 02 con chung tên Lý Thị Ngọc Vg, sinh ngày 29/11/2002 và Lý Thị Kim Vg, sinh ngày 22/01/2006, đều đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Về án phí hôn nhân sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Ngọc H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Ngọc H được ly hôn với ông Lý Thanh S.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lâm Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004199 ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CF; bà H đã nộp đủ án phí.

Ông Lý Thanh S không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. CF (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.CF (1);
- UBND xã, phường, thị trấn (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương